TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 93/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2017
V/v tranh chấp " ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng.**
Hội thẩm nhân dân **:**
1/ Ông **Nguyễn Văn Dũng.**
2/ Ông **Lê Văn Chính.**
Thư ký phiên toà: Ông **Phạm Văn Nhàn** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy.
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Bình**, KSV.

Ngày 19/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 381/2017/TLST- HNGĐ ngày 02/11/ 2017 về việc " ly hôn" theo quyết định xét xử số 94/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04/12/2017 giữa các đương sự :

Nguyên đơn : Anh Phạm Minh T, sinh 1988 (có mặt)
Địa chỉ: 34/663 khu phố A, phường B, thị xã C, Tiền Giang.
Bị đơn : Chị Nguyễn Hồng N, sinh 1989 (có mặt)
Địa chỉ: 34/663 khu phố A, phường B, thị xã C, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tư khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Phạm Minh T trình bày:*

Anh và Chị Nguyễn Hồng N tự nguyện chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy, Tiền Giang (nay là phường 1, thị xã Cai Lậy). Sau khi kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc thời gian dài. Đến đầu năm 2017 thì hai người thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống. Mặc dù anh chị đã vì con mà cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn, anh chị đã ly thân với từ tháng 9/2017 đến nay. Anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 người tên Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 04/01/2013 hiện đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tư khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày:* Chị thống nhất với lời trình bày của anh T về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân, chị và anh T cũng có mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, chị đã ly thân với anh T từ tháng 9/2017 đến nay. Theo yêu cầu ly hôn của anh T chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T. Nếu ly hôn, chị muốn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quyên vì hiện tại cháu còn nhỏ và chị đang trực tiếp chăm sóc và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Minh T; Giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy đinh của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

NHẬN ĐINH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 189/2011, quyển số 01/2011 ngày 15/11/2011 do UBND thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy (nay là thị xã Cai Lậy) cấp và lời trình bày của anh T, chị N thì anh T và chị N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa chị N và anh T được pháp luật công nhận là vợ chồng. Anh T xin ly hôn với chị N thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Anh T và chị N từ khi chung sống đến nay đã có 01 con chung, trong thời gian chung sống cũng hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả mà mâu thuẫn lại càng trầm trọng hơn. Anh T và chị N cũng đã ly thân từ tháng 9/2017 đến nay. Anh T cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N. Chị N cũng thống nhất với lời trình bày của anh T và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Đây là sự tự nguyện của chị N và anh T nên được chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 người tên Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 04/01/2013 hiện đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung vì hiện tại cháu còn quá nhỏ và đang do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét

xử xét thấy: Anh T và chị N đều có điều kiện nuôi con nhưng hiện tại cháu Quyên đang do chị N chăm sóc ổn định, cháu Quyên hiện nay còn quá nhỏ, lại là nữ nên cần sự chăm sóc của mẹ sẽ tốt hơn nên giao cháu Quyên cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xét.

Về án phí: Nguyên đơn là anh Phạm Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Do đó, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 55, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình, - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Minh T.

Anh Phạm Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Hồng N.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Bảo Q, sinh ngày 04/01/2013 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Minh T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng). Anh T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001165 ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy xem như đã nộp xong.

Về quyền kháng cáo: Chị N, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án**.**

Nơi nhận :
- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND phường 1, TX.Cai Lậy,
- Các đương sự;
- Lưu .

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng